

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/DS-PT
Ngày: 27-03-2018
V/v “*Tranh chấp quyền sử
dụng đất rừng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Văn Long**
Các Thẩm phán: Bà **Cao Thị Huyền**
Ông **Bùi Xuân Liêm**

Thư ký phiên tòa: Ông **Ninh Minh Tân** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2017/TLPT-DS ngày 25-10-2017 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất rừng*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 07-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2017/QĐ-PT ngày 12-12-2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị K** (*Bùi Thị Đ*), sinh năm 1940.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Thị S**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng T** – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Đ**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1958.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đ**, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị K trình bày:

Năm 1995, UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng cho bà Bùi Thị Đ (Bùi Thị K) với diện tích 4,5 ha, thời hạn sử dụng 50 năm. Trong hai năm đầu, bà K có thuê người ở xã Đ lên trồng hết cây bạch đàn trên diện tích đất đó. Hai năm sau, con trai bà bị tai nạn giao thông chết, bà cũng lâm bệnh nên không ai lên chăm sóc được. Có một số người đã chặt trộm cây và lấn chiếm đất của bà K trong đó có hộ ông Nguyễn Đ lấn chiếm diện tích 2.618m² nhưng theo kết quả đo đạc thực tế của Hội đồng định giá thì diện tích ông Đ lấn chiếm là 3.545m². Nay bà K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đ trả lại diện tích rừng 3.545m² (theo kết quả đo đạc thực tế) đã lấn chiếm cho bà K.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Đ trình bày:

Năm 1990, ông khai phá diện tích rừng tự nhiên khoảng 2.800m² tại thôn N, xã Đ để trồng khoai, sắn; sau đó chuyển sang trồng thom và keo lá tràm cho đến năm 2015 không có ai tranh chấp. Cuối năm 2016 ông được UBND xã Đ mời lên làm việc về vấn đề bà Bùi Thị K kiện ông lấn chiếm đất rừng của bà. Trong quá trình hòa giải ở xã Đ, địa chính xã có lên hiện trường đo đạc diện tích đất ông canh tác, nhưng việc hòa giải không thành. Diện tích đất rừng ông đang sử dụng khoảng 2.800m² tại thôn N, xã Đ ông chưa được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng. Nay bà K khởi kiện yêu cầu ông trả lại diện tích đất rừng mà bà K nói ông lấn chiếm của bà thì ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L thống nhất nội dung trình bày của bị đơn ông Nguyễn Đ.

Với nội dung như trên, tại bản án sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 07-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc đã áp dụng Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị K, buộc ông Nguyễn Đ trả lại diện tích đất 3.545m² nằm trong diện tích đất 4,5ha theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng số 10/95 ngày 16-9-1995 của UBND huyện Đ cấp cho bà Bùi Thị K.

Ngoài ra bản án còn quyết định về sự tự nguyện của nguyên đơn, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 15-9-2017, bị đơn ông Nguyễn Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có quan điểm: Thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ rừng của UBND huyện Đ cho bà Bùi Thị K vào năm 1995 đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Gia đình bà K sử dụng đến năm 1997 thì con trai bà K qua đời, bà K không đủ sức chăm sóc nên thường thuê người chăm sóc, ông Nguyễn Đ lấn chiếm, trồng rừng không có ý kiến của bà K. Lời khai của những người làm chứng có trong hồ sơ thể hiện diện tích đất rừng cấp cho hộ bà K là đúng thực tế, đảm bảo trình tự theo quy định của pháp luật đất đai. Vì vậy bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của bà K buộc ông Nguyễn Đ trả lại diện tích đất 3.545m² nằm trong diện tích đất 4,5ha theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng số 10/95 ngày 16-9-1995 của UBND huyện Đ cấp cho bà Bùi Thị K là có căn cứ, đúng pháp luật, đề nghị HĐXX bác đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đ, xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các bên đương sự được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xử hủy bản án dân sự sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 07-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Đ không rút đơn kháng cáo, đề nghị HĐXX xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 07-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông.

Diện tích đất tranh chấp giữa bà Bùi Thị K và ông Nguyễn Đ theo đo đạc thực tế là 3.545m². Bà K cho rằng diện tích đất này nằm trong tổng diện tích đất 4,5ha (*theo đo đạc thực tế là 61.426m²*) được UBND huyện Đ cấp cho bà vào năm 1995 nên yêu cầu ông Đ trả lại cho bà diện tích đất này. Ông Đ cho rằng diện tích đất tranh chấp do ông khai hoang từ năm 1990, sử dụng ổn định, không có ai tranh chấp đến năm 2015, trên đất có tài sản của ông nên ông không thống nhất trả lại cho bà K.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn bà Bùi Thị K khai diện tích đất tranh chấp năm 1995 bà được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng, tiến hành trồng keo lá tràm đến năm 1997 thì con trai bà bị tai nạn chết nên không chăm sóc được và bị lấn chiếm. Bị đơn ông Nguyễn Đ khai diện tích đất tranh chấp do ông khai hoang từ năm 1990, sử dụng ổn định, không có tranh chấp đến năm 2015. Lời trình bày của hai bên đương sự là hoàn toàn mâu thuẫn nhưng khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành cho hai bên đối chất để làm sáng tỏ nội dung vụ án.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời trình bày của những người làm chứng cho hai bên đương sự để quyết định nội dung vụ án. Tuy nhiên, lời khai của những người làm chứng: Nguyễn Thị H, Hoàng Thị L, Phạm Thị M, Huỳnh Thị N, Bùi Quang L, Bùi C, Bùi Quang M có nội dung diễn đạt hoàn toàn giống nhau. Ngày 31-8-2017, HĐXX sơ thẩm hoãn phiên tòa lần thứ nhất vì vắng một số những người làm chứng quan trọng. Ngày 07-9-2017, HĐXX mở phiên tòa xét xử lại vụ án, tất cả những người làm chứng đều vắng mặt, vì vậy không thể đối chất để làm rõ nội dung xác nhận của những người làm chứng cho phía bị đơn và phía nguyên đơn.

Ngày 18-8-1995, bà Bùi Thị Đ (*tức Bùi Thị K*) có “Đơn xin giao đất lập vườn rừng” với diện tích 2,6ha. Tại Quyết định số 10/QĐ-UB ngày 09-9-1995, UBND huyện Đ giao cho bà Bùi Thị Đ (K) 4,5ha đất trồng rừng kèm theo “*Bản đồ giao đất, giao rừng*” lập ngày 07-9-1995 được UBND huyện Đ phê duyệt ngày 09-9-1995. Tại Biên bản về việc giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa cho bà Bùi Thị Đ (*không ghi ngày tháng năm*) do cán bộ Phòng Kinh tế huyện Đ và cán bộ Hạt Kiểm lâm huyện Đ lập được UBND xã Đ xác nhận và tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng do UBND huyện Đ cấp cho bà Bùi Thị Đ (K) ngày 16-9-1995 đều ghi vị trí 4,5 ha đất giao có tứ cận: Đông giáp rừng keo lá tràm Hợp tác xã Đ; Tây giáp K; Nam giáp đồi núi trọc; Bắc giáp đường Quốc lộ 14B. Tại đơn xin trình bày ngày 11-4-2016 và đơn khởi kiện ngày 26-02-2017, bà K trình bày năm 1995 UBND huyện Đ cấp cho bà 57.368m². Ngày 11-7-2017, Hội đồng định giá TAND huyện Đại Lộc đo đạc lại thì toàn bộ khu vực đất rừng mà bà K cho rằng được UBND huyện Đ cấp năm 1995 có tổng diện tích 58.776m². Trong đó diện tích bà K thực tế sử dụng là 10.298m², ông Nguyễn Đ sử dụng 3.545m², ông Nguyễn Thành Q sử dụng 28.685m², ông Tăng Anh T sử dụng 5.678m², ông Phan H sử dụng 4.407m² và ông T sử dụng 4.595m², nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ sự biến động tăng diện tích của toàn bộ khu vực đất rừng có tranh chấp giữa bà K với các hộ dân nói trên, trong đó có ông Nguyễn Đ; không hỏi UBND là cơ quan Nhà nước quản lý về đất đai tại địa phương để xác định vị trí đất tranh chấp có nằm trong diện tích đất đã cấp Giấy chứng nhận cho bà K hay không. Đồng thời cũng chưa làm rõ về tứ cận và hình thể toàn bộ khu vực đất rừng hiện tại có trùng khớp với tứ cận diện tích đất rừng trong biên bản giao đất rừng và hình thể thửa đất rừng giao cho bà Đ (K) tại bản đồ giao đất rừng năm 1995 hay không, mà chỉ dựa trên lời khai của ông Nguyễn Văn N, Bùi Xuân V, Huỳnh P, Nguyễn Văn P và những người làm chứng khác làm căn cứ giải quyết buộc ông Nguyễn Đ trả lại đất cho bà Bùi Thị K (Đ) là chưa đủ cơ sở.

Ngoài ra, bà K cho rằng năm 1995 bà được cấp đất, trồng cây đến năm 1997 thì con trai bà bị tai nạn chết, bà lâm bệnh nặng nên không thể tiếp tục trồng và bị lấn chiếm. Tại Điều 3 Quyết định số 10/QĐ-UB ngày 09-9-1995 của UBND huyện Đ quy định “...*Nếu sau 02 năm mà đơn vị (ông, bà) không đưa hết diện tích đất được giao vào sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích thì sẽ bị thu hồi để giao cho người khác*”; tại khoản 3 Điều 26 Luật đất đai 1993 quy định “*Nhà nước thu hồi toàn bộ hoặc một phần đất đã giao sử dụng trong những trường hợp sau đây: 3- Đất không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liền mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất đó cho phép*”. Nhưng Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thu hồi lại đất rừng đã giao cho bà K theo Quyết định số 10/QĐ-UB ngày 09-9-1995 hay không.

Về thủ tục tố tụng bản án sơ thẩm có những sai sót như: Thụ lý vụ án dân sự số 07/2017/TL-DSST ngày 30-3-2017 nhưng Quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký giải quyết vụ án dân sự số 06/2017/TL-DSST ngày 30-3-2017; Biên bản nghị án ngày 31-8-2017 nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số 07/2017/TL-DSST, nhưng HĐXX quyết định hoãn phiên tòa đối với vụ án dân sự thụ lý số 06/2017/TL-DSST và các Hội thẩm nhân dân không ký vào biên bản này; ngày 06-9-2017, TAND huyện Đại Lộc có

thông báo số 07/TB-TA về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa từ 08 giờ 30 phút ngày 07-9-2017 sang lúc 13 giờ 30 phút ngày 07-9-2017, nhưng tại Biên bản phiên tòa thể hiện HĐXX tiến hành xét xử vào lúc 09 giờ 35 phút ngày 07-9-2017; ngày 15-9-2017, bị đơn ông Nguyễn Đ có đơn kháng cáo đối với bản án số 36 ngày 30-7-2017 là không đúng với bản án HĐXX đã tuyên (*bản án số 35/2017/DS-ST ngày 07-9-2017*), nhưng Tòa án sơ thẩm không yêu cầu ông Đ sửa đơn kháng cáo là chưa đúng quy định tại Điều 272, Điều 274 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Từ những phân tích trên, HĐXX phúc thẩm xét cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên ông Nguyễn Đ không phải chịu, hoàn trả lại cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 07-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc giải quyết lại theo thủ tục chung.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đ không phải nộp. Hoàn trả lại cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010760 ngày 18-9-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Lộc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (27-3-2018).

Nơi nhận:

- Các cơ quan THTT;
- Những người TGTT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Văn Long

